TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/ HNGĐ-ST
Ngày 20 - 9 - 2023
V/v Ly hôn giữa Chị N và Anh B

NHÂN DANH

NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Thị Thanh Nhâm; Bà Hoàng Thị Thu Hường.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 08 năm 2023, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị N, sinh năm: 1981; Nơi cư trú : Đội A, thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1982; Nơi cư trú : Đội A, thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N, anh B vắng mặt (Chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là Chị Đinh Thị N trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau do tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 01 tháng 01 năm 2004. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 6 năm 2015 vợ chồng sảy ra mâu thuẫn; do anh B chơi bời không lo kinh tế cho gia đình, thường xuyên chửi bới gia đình chị, chị không thể chịu được nữa nên tháng 5 năm 2023 chị nhà bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ đó. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Trường G, sinh ngày 22 tháng 06 năm 2005; Nguyễn Tiến D, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2008; Nguyễn Quang V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2015, hiện nay cháu G và D đang ở cùng chị, cháu V ở cùng anh B. Sau ly hôn nguyện vọng của chị tiếp tục được nuôi 02 con Giang và D, còn cháu V ở cùng anh B, anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa; Anh Nguyễn Văn B vắng mặt nên không có lời khai trình bày thể hiện quan điểm.

Tại biên bản lấy lời khai bà Hoàng Thị Thẻ là mẹ đẻ Anh Nguyễn Văn B trình bày: Về thời gian kết hôn giữa anh B, Chị N đúng như Chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh B chung sống với gia đình bà một thời gian, sau đó làm nhà trên đất của gia đình bà, do kinh tế khó khăn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, Chị N bỏ nhà bà đi từ tháng 4/2023. Việc Chị N làm đơn xin ly hôn với anh B là do anh chị quyết định.

Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc Chị N xin ly hôn anh B, và các thông báo của Tòa án gửi cho anh B, bà đã thông báo cho anh B biết nhưng do bận công việc nên anh B không đến Tòa án.

Con chung: Vợ chồng anh B có 03 con chung, hiện nay 02 cháu G và D ở cùng Chị N, còn cháu V ở với anh B và bà.

Tài sản: Vợ chồng anh B có xây nhà trên đất của bà, nay anh chị ly hôn bà không cho đất ai cả.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với Nguyên đơn; Từ khi thụ lý vụ án, Chị N thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn: Anh B vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về Nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị HĐXX; chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Đinh Thị N, xử cho ly hôn giữa Chị Đinh Thị N và Anh Nguyễn Văn B; Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 22 tháng 06 năm 2005; Nguyễn Tiến D, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2008 cho Chị N tiếp tục nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2015 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con; Về tài sản, công nợ: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS. HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Anh Nguyễn Văn B. Chị Đinh Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt Chị Đinh Thị N là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N và Anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau vào ngày 01 tháng 01 năm 2004, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 con chung. Tháng 6/2015 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân; do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa cãi chửi nhau, Chị N bỏ nhà đi từ tháng 4/2023 đến nay vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Văn B.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa Chị Đinh Thị N và Anh Nguyễn Văn B đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Đinh Thị N là phù hợp.

[3] Về con chung: HĐXX xét thấy; Tại phiên tòa vắng mặt anh B, Chị N, Chị N có lời khai và quan điểm về việc nuôi con chung. Cháu Nguyễn Trường G và Nguyễn Tiến D có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Nguyễn Quang V có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy, để ổn định cuộc sống hiện tại cũng như việc học tập, chăm sóc giáo dục các con nên giao Chị N có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Trường G, sinh ngày 22 tháng 06 năm 2005; Nguyễn Tiến D, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2008. Giao anh B có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2015. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Đinh Thị N không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Xử cho ly hôn giữa Chị Đinh Thị N và Anh Nguyễn Văn B.

2. Con chung: Giao Chị Đinh Thị N có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trường G, sinh ngày 22 tháng 06 năm 2005; Nguyễn Tiến D, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2008. Giao Anh Nguyễn Văn B có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2015. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Đinh Thị N và Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Đinh Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002311 ngày 22 tháng 06 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh. Chị Đinh Thị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị N và Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành ánd ân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Liêm Hải, huyện T;
- Lưu HS, VP.